HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01 /2017/NQ-HĐND	*Sóc Trăng, ngày 06 tháng 3 năm 2017*

NGHỊ QUYẾT
Về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu ngân sách của các cấp ngân sách thuộc chính quyền địa phương, tỉnh Sóc Trăng giai đoạn ổn định 2017 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 326/2016/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;

Xét Tờ trình số 08/TTr-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách của các cấp ngân sách thuộc chính quyền địa phương, tỉnh Sóc Trăng giai đoạn ổn định 2017 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu ngân sách của các cấp ngân sách thuộc chính quyền địa phương, tỉnh Sóc Trăng giai đoạn ổn định 2017 - 2020, áp dụng từ niên độ ngân sách 2017.

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng khóa IX, kỳ họp thứ 6 (bất thường) thông qua ngày 03 tháng 3 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 3 năm 2017./.

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội (bộ phận phía Nam);
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- TT. TU, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Email: phongkiemtravanban2012@gmail.com;
- Công báo;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lâm Văn Mẫn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU NGÂN SÁCH CỦA CÁC CẤP NGÂN SÁCH THUỘC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG, TỈNH SÓC TRĂNG GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Chương I
PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI CỦA CÁC CẤP THUỘC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

Mục 1: Nguyên tắc chung

Việc phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi ngân sách của các cấp chính quyền địa phương được thực hiện trên cơ sở phân cấp về quản lý kinh tế - xã hội, đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư của từng địa phương và trình độ quản lý của mỗi cấp, trong đó tăng cường nguồn lực cho ngân sách xã theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Việc phân định cụ thể nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách các cấp thuộc chính quyền địa phương được phân định theo quy định tại Điều 37, 38 và 39 của Luật Ngân sách Nhà nước.

Trong phân định nguồn thu thì ngân sách xã, thị trấn được phân chia nguồn thu từ các khoản: Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh; thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình; lệ phí trước bạ nhà, đất.

Ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ. Ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã được chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ.

Mục 2. Phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi

Điều 1. Ngân sách tỉnh

1. Nguồn thu của ngân sách tỉnh

1.1. Các khoản thu được hưởng 100%

a) Thuế tài nguyên, không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;

của địa phương;

t) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;

u) Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

v) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;

x) Thu kết dư ngân sách địa phương;

y) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

1.2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước

a) Thuế giá trị gia tăng, trừ thuế giá trị gia tăng quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điểm đ Khoản 1 điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước.

c) Thuế thu nhập cá nhân.

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại Điểm c Khoản 1 điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước.

đ) Thuế bảo vệ môi trường, trừ thuế bảo vệ môi trường quy định tại Điểm d Khoản 1 điều 35 của Luật ngân sách nhà nước.

1.3. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách tỉnh; ngân sách huyện, thị xã, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp do huyện, thị xã, thành phố quản lý thu (trong phạm vi ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp của Trung ương), trừ thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điểm đ Khoản 1 điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Thuế thu nhập cá nhân.

c) Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình (nếu có).

d) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

đ) Tiền sử dụng đất, không kể thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý theo quy định tại Điểm k Khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước.

e) Thuế giá trị gia tăng thu từ các hộ sản xuất kinh doanh - dịch vụ do huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn quản lý thu (trong phạm vi ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp của Trung ương).

g) Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước.

h) Khoản thu 2% trên số tiền thanh toán khối lượng các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, các dự án ODA thuộc diện chịu thuế GTGT.

k) Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh.

l) Lệ phí trước bạ nhà, đất.

2. Nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh

2.1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư cho các dự án do cấp tỉnh quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do địa phương quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Phần chi đầu tư phát triển trong các chương trình mục tiêu quốc gia, mục tiêu quan trọng do tỉnh quản lý, thực hiện theo quy định của pháp luật.

d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật (bao gồm 30% trích lập quỹ phát triển đất, theo quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ và 10% số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04/4/2013).

2.2. Chi thường xuyên

a) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế, giáo dục và đào tạo, y tế, xã hội, văn hoá thông tin, văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, các sự nghiệp khác do các cơ quan cấp tỉnh quản lý; bao gồm:

- Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác; lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường;

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: Duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thuỷ lợi, các trạm, trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản;

- Sự nghiệp thị chính (trừ phần giao cho thành phố Sóc Trăng, thị xã Ngã Năm và thị xã Vĩnh Châu): Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên, cây xanh và các sự nghiệp thị chính khác;

- Điều chỉnh quy hoạch chung các huyện, thị xã, thành phố (*ngân sách tỉnh đảm bảo 100%*); điều chỉnh quy hoạch phân khu thị xã, thành phố (*ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 70%*);

- Đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính cấp tỉnh quản lý;

- Điều tra cơ bản;

- Các sự nghiệp kinh tế khác;

- Chi sự nghiệp giáo dục cho bổ túc văn hoá, các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông dân tộc nội trú (trường cấp II và cấp III), các trường

trung học phổ thông dân tộc nội trú, các trường trung học phổ thông, các trường cấp II - III và các hoạt động giáo dục khác do cấp tỉnh quản lý;

- Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác;

- Chi sự nghiệp y tế về phòng bệnh, chữa bệnh, các hoạt động y tế khác; chi hoạt động dân số và gia đình do cấp tỉnh quản lý;

- Các trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác do cấp tỉnh đảm bảo;

- Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động văn hoá khác;

- Phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác;

- Bồi dưỡng huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục - thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác;

- Nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, các hoạt động sự nghiệp khoa học - công nghệ khác;

- Chi bảo vệ môi trường;

- Các sự nghiệp khác.

b) Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội (phần tỉnh đảm bảo)

b1) Quốc phòng

- Huấn luyện cán bộ dân quân tự vệ;

- Tổ chức Hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và báo cáo công tác;

- Hoạt động của các đơn vị tự vệ luân phiên thoát ly sản xuất làm nghĩa vụ thường trực chiến đấu hoặc sẵn sàng chiến đấu ở những vùng trọng điểm biên giới, hải đảo trong một số trường hợp đặc biệt theo chỉ đạo của Bộ Quốc phòng;

- Xây dựng phương án phòng thủ khu vực;

- Vận chuyển vũ khí, khí tài, quân trang quân dụng cho lực lượng dân quân tự vệ và quân nhân dự bị;

- Tiếp đón quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về.

b2) An ninh và trật tự an toàn xã hội:

- Hỗ trợ các chiến dịch phòng ngừa, phòng chống các loại tội phạm;

- Hỗ trợ các chiến dịch giữ gìn an ninh và trật tự an toàn xã hội;

- Hỗ trợ công tác phòng cháy, chữa cháy;

- Hỗ trợ sơ kết, tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc.

c) Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, các cơ quan của Đảng cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội

Nông dân Việt Nam thuộc cấp tỉnh quản lý;

d) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các hội có tính chất đặc thù thuộc cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp tỉnh quản lý;

e) Chi chương trình mục tiêu quốc gia do Chính phủ giao cho địa phương quản lý;

g) Các khoản chi khác của ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

h) Chi trả nợ lãi các khoản tiền huy động cho đầu tư theo quy định tại Điều 7 của Luật Ngân sách Nhà nước;

i) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh;

k) Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới;

l) Chi chuyển nguồn ngân sách tỉnh năm trước sang ngân sách tỉnh năm sau;

m) Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 9 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Ngân sách huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là ngân sách cấp huyện)

1. Nguồn thu của ngân sách cấp huyện

1.1. Các khoản thu được hưởng 100%

a) Các khoản phí và lệ phí từ các hoạt động do các cơ quan thuộc cấp huyện quản lý;

b) Tiền thu từ hoạt động sự nghiệp của các đơn vị do cấp huyện quản lý;

c) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp huyện theo quy định của pháp luật;

d) Đóng góp của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của Chính phủ cho ngân sách cấp huyện;

đ) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp huyện;

e) Thu từ các khoản tiền phạt xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực và tịch thu theo quy định của pháp luật thuộc cấp huyện quản lý;

g) Thu kết dư ngân sách cấp huyện;

h) Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh;

i) Thu chuyển nguồn ngân sách huyện năm trước sang ngân sách huyện năm sau;

l) Số thu nộp ngân sách của các dự án, công trình, hạng mục công trình có phát sinh khoản thu nộp vào ngân sách Nhà nước 2% trên số tiền thanh toán

khối lượng các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, các dự án ODA thuộc diện chịu thuế GTGT, do ngân sách huyện quản lý;

m) Thu ngân sách cấp dưới nộp lên và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

1.2. Các khoản thu được phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách tỉnh; ngân sách huyện, thị xã, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn: Theo nội dung quy định tại Điểm 1.3 Khoản 1 Điều 1 Quy định này.

2. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện

2.1. Chi đầu tư phát triển

Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo phân cấp của tỉnh. Trong đó, phân cấp nhiệm vụ chi đối với thành phố Sóc Trăng, thị xã Vĩnh Châu, thị xã Ngã Năm phân cấp thêm nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị, cây xanh và các công trình phúc lợi công cộng khác.

2.2. Chi thường xuyên

a) Chi sự nghiệp giáo dục cho nhà trẻ, mẫu giáo (mầm non), tiểu học (cấp I), trung học cơ sở, trung học cơ sở dân tộc nội trú (cấp II) và các trường phổ thông (cấp I+II).

b) Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề; đưa cán bộ đi đào tạo, bao gồm đào tạo sau Đại học; đào tạo bồi dưỡng của Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị.

c) Chi sự nghiệp y tế về phòng bệnh, chữa bệnh và y tế khác do cấp huyện quản lý.

d) Các hoạt động sự nghiệp văn hoá, thông tin; thể dục thể thao; bảo vệ môi trường; xã hội và các sự nghiệp khác do cơ quan cấp huyện quản lý.

đ) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cơ quan cấp huyện quản lý:

- Nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ lợi.

- Giao thông.

- Sự nghiệp thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông đô thị, công viên đô thị, chăm sóc cây xanh và các sự nghiệp thị chính khác.

- Điều chỉnh quy hoạch phân khu thị xã, thành phố (*ngân sách thị xã, thành phố đảm bảo ít nhất 30%*); Điều chỉnh quy hoạch chi tiết các huyện, thị xã, thành phố (*ngân sách cấp huyện đảm bảo 100%*).

- Các sự nghiệp kinh tế khác, bao gồm chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ.

e) Sự nghiệp môi trường, bao gồm hoạt động thu gom và xử lý rác.

g) Quốc phòng an ninh và trật tự, an toàn xã hội

g.1) Quốc phòng

- Công tác giáo dục quốc phòng toàn dân.

- Công tác tuyển quân và đón tiếp quân nhân hoàn thành nghĩa vụ trở về.

- Đăng ký quân nhân dự bị.

- Tổ chức huấn luyện cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ.

- Hội nghị và tập huấn nghiệp vụ dân quân tự vệ.

g.2) An ninh và trật tự, an toàn xã hội

- Tuyên truyền, giáo dục phong trào quần chúng bảo vệ an ninh;

- Hỗ trợ các chiến dịch giữ gìn an ninh và trật tự, an toàn xã hội;

- Hỗ trợ sơ kết, tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc;

- Hỗ trợ hoạt động an ninh, trật tự ở cơ sở.

h) Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, của các cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam thuộc cấp huyện quản lý;

i) Hỗ trợ cho các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp và các hội có tính chất đặc thù cấp huyện theo quy định của pháp luật;

k) Chi chương trình mục tiêu quốc gia do tỉnh giao;

l) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

m) Chi chuyển nguồn ngân sách huyện năm trước sang ngân sách huyện năm sau;

n) Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

o) Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 9 Điều 9 của Luật NSNN.

Điều 3. Ngân sách xã, phường, thị trấn (gọi chung là ngân sách cấp xã)

1. Nguồn thu

1.1. Các khoản thu được hưởng 100%

a) Các khoản phí, lệ phí và các khoản đóng góp cho ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật;

b) Thu từ sử dụng quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;

c) Thu phạt xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực, thu từ các hoạt động chống buôn lậu và kinh doanh trái pháp luật do cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật;

d) Tiền thu từ các hoạt động sự nghiệp do xã quản lý;

b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

d) Tiền sử dụng đất;

đ) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước, không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;

e) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

g) Lệ phí môn bài;

h) Lệ phí trước bạ;

i) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán;

k) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đại diện chủ sở hữu;

l) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc địa phương quản lý;

m) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương;

n) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập địa phương và doanh nghiệp nhà nước địa phương thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật;

o) Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu;

p) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

q) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc địa phương xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

r) Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật;

s) Tiền sử dụng khu vực biển đối với khu vực biển thuộc thẩm quyền giao

đ) Các khoản đóng góp tự nguyện cho ngân sách cấp xã;

e) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức và cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật;

g) Thu kết dư của ngân sách cấp xã;

h) Bổ sung từ ngân sách cấp trên;

i) Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã năm trước sang ngân sách cấp xã năm sau;

k) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

1.2 Các khoản thu được phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách tỉnh; ngân sách huyện, thị xã, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn: Theo nội dung quy định tại Điểm 1.3 Khoản 1 Điều 1 và Điều 5 Quy định này.

2. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

2.1 Chi đầu tư phát triển

Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo phân cấp của tỉnh.

2.2 Chi thường xuyên

a) Công tác xã hội và hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục - thể thao do cấp xã quản lý;

b) Hỗ trợ kinh phí bổ túc văn hoá, nhà trẻ, mẫu giáo do cấp xã quản lý;

c) Chi sự nghiệp y tế do cấp xã quản lý;

d) Quản lý, duy tu, bảo dưỡng các công trình kiến trúc, tài sản, công trình phúc lợi, đường giao thông do cấp xã quản lý và chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ;

đ) Chi bảo vệ môi trường theo phân cấp của tỉnh;

e) Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, của các cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam xã, thị trấn (bao gồm kinh phí hoạt động của thanh tra nhân dân) thuộc cấp xã quản lý;

g) Công tác dân quân tự vệ, trật tự - an toàn xã hội:

- Huấn luyện dân quân tự vệ.

- Đăng ký nghĩa vụ quân sự, đưa thanh niên đi làm nghĩa vụ quân sự.

- Tuyên truyền, vận động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự - an toàn xã hội.

- Hoạt động bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

h) Chi chương trình mục tiêu quốc gia do tỉnh, huyện giao;

i) Chi chuyển nguồn ngân sách cấp xã năm trước sang ngân sách cấp xã năm sau;

k) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Chương II
TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU NGÂN SÁCH CỦA CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN ỔN ĐỊNH 2017 - 2020

Mục 1. Nguyên tắc chung

Tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối được xác định trên cơ sở tính toán các nguồn thu, nhiệm vụ chi theo phân cấp quản lý ngân sách; các chế độ thu ngân sách, các định mức phân bổ ngân sách và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định tài chính hiện hành.

Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách của các cấp phải đảm bảo tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho ngân sách cấp mình và ngân sách cấp dưới không được vượt tỷ lệ phần trăm (%) phân chia quy định của cấp trên về từng khoản thu được phân chia.

Ngoài số thu ngân sách cấp dưới được hưởng 100% và số thu từ tỷ lệ phần trăm (%) phân chia theo phân cấp ngân sách, nếu ngân sách cấp dưới chưa đảm bảo cân đối tổng số chi được giao theo phân cấp ngân sách, thì sẽ được ngân sách cấp trên bổ sung cân đối nguồn ngân sách đối với ngân sách cấp dưới để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh được giao.

Đối với ngân sách xã, phường, thị trấn nếu nguồn thu 100% và nguồn thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) lớn hơn nhiệm vụ chi thường xuyên, thì khoản lớn hơn đó sẽ được sử dụng để chi đầu tư các công trình trụ sở, trạm y tế, nhà trẻ, mẫu giáo và các cơ sở hạ tầng khác do xã, thị trấn quản lý, theo phân cấp hiện hành của tỉnh về chi đầu tư phát triển và theo quy định của Bộ Tài chính.

Mục 2. Các khoản thu phân chia và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cụ thể giữa ngân sách tỉnh; ngân sách huyện, thị xã, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn

Điều 4. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách tỉnh; ngân sách huyện, thị xã, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn

Theo nội dung quy định tại Điểm 1.3 Khoản 1 Điều 1 Quy định này.

Điều 5. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách tỉnh với ngân sách huyện, thị xã, thành phố

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu từ các doanh nghiệp do huyện, thị xã, thành phố quản lý thu (trong phạm vi ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp của Trung ương).

Ngân sách huyện, thị xã, thành phố được phân chia với tỷ lệ là 100%.

2. Thuế thu nhập cá nhân

Ngân sách huyện, thị xã, thành phố (bao gồm ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã) được phân chia với tỷ lệ là 100%.

3. Thuế sử dụng đất nông nghiệp

Ngân sách huyện, thị xã, thành phố (bao gồm ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã) được phân chia với tỷ lệ là 100%.

4. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Ngân sách huyện, thị xã, thành phố (bao gồm ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã) được phân chia với tỷ lệ là 100%.

5. Thu tiền sử dụng đất

Ngân sách các huyện, thị xã, thành phố (bao gồm ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã) được phân chia với tỷ lệ là 60%.

Trường hợp, nguồn thu được từ đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất do xã quản lý (sau khi đã trừ chi phí, không bao gồm nguồn thu được từ đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất do phường, thị trấn quản lý), được để lại 100% cho ngân sách xã để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

6. Thuế giá trị gia tăng thu từ các hộ sản xuất kinh doanh - dịch vụ do huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn quản lý thu

Ngân sách huyện, thị xã, thành phố (bao gồm ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã) được phân chia với tỷ lệ là 100%.

7. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước

Ngân sách huyện, thị xã, thành phố (bao gồm ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã) được phân chia với tỷ lệ là 100%.

7.1. Nếu huyện, thị xã, thành phố trực tiếp thu (Chi cục Thuế thu) thì ngân sách huyện, thị xã, thành phố được phân chia là 100%.

7.2. Nếu phân cấp cho các xã, phường, thị trấn trực tiếp thu, thì ngân sách huyện, thị xã, thành phố được phân chia là 30% và ngân sách xã, phường, thị trấn được phân chia 70%.

8. Khoản thu 2% trên số tiền thanh toán khối lượng các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, các dự án ODA thuộc diện chịu thuế GTGT, được phân chia theo tỷ lệ như sau:

8.1. Đối với các dự án, công trình do Trung ương làm chủ đầu tư (bao gồm các dự án, công trình trọng điểm quốc gia) và trọng điểm của tỉnh, điều tiết 100% cho ngân sách tỉnh.

8.2. Đối với các dự án, công trình thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh và do tỉnh làm chủ đầu tư thì điều tiết 100% cho ngân sách tỉnh.

8.3. Đối với các dự án, công trình thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh nhưng huyện, thị xã, thành phố làm chủ đầu tư thì điều tiết 100% cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố tương ứng.

8.4. Đối với các dự án, công trình thuộc nguồn vốn ngân sách huyện thị xã, thành phố (bao gồm các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên và vốn trái phiếu Chính phủ) và huyện, thị xã, thành phố làm chủ đầu tư (bao gồm xã, phường, thị trấn) thì điều tiết cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố hưởng 100% (kể cả công trình liên huyện, thị xã, thành phố).

Điều 6. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cụ thể giữa ngân sách huyện, thị xã, thành phố với ngân sách xã, phường, thị trấn

STT	Tên đơn vị	Thuế giá trị gia tăng (%)	Thuế sử dụng đất nông nghiệp (%)	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (%)	Thu tiền sử dụng đất (%)	Thu tiền cho thuê đất (%)	Thuế thu nhập cá nhân (%)	Lệ phí môn bài (%)	Lệ phí trước bạ nhà, đất (%)
I	**Thành phố Sóc Trăng**								
01	Phường 1	00	70	70	00	70	70	70	70
02	Phường 2	40	70	70	00	70	70	70	70
03	Phường 3	45	77	70	00	70	70	70	70
04	Phường 4	95	70	100	00	70	70	70	70
05	Phường 5	100	70	100	00	70	100	70	70
06	Phường 6	17	70	70	00	70	70	70	70
07	Phường 7	100	70	100	00	70	100	70	70
08	Phường 8	100	70	100	00	70	70	70	70
09	Phường 9	25	70	80	00	70	70	70	70
10	Phường 10	100	70	100	00	70	100	70	70
II	**Thị xã Vĩnh Châu**								
01	Phường 1	10	70	70	00	70	70	70	70
02	Phường 2	100	70	70	00	70	70	70	70
03	Phường Khánh Hòa	100	70	70	00	70	70	70	70
04	Phường Vĩnh phước	100	70	70	00	70	70	70	70
05	Xã Hòa Đông	100	70	70	100	70	70	70	70

STT	Tên đơn vị	Thuế giá trị gia tăng (%)	Thuế sử dụng đất nông nghiệp (%)	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (%)	Thu tiền sử dụng đất (%)	Thu tiền cho thuê đất (%)	Thuế thu nhập cá nhân (%)	Lệ phí môn bài (%)	Lệ phí trước bạ nhà, đất (%)
06	Xã Lạc Hòa	100	70	70	100	70	70	70	70
07	Xã Lai Hòa	100	70	70	100	70	70	70	70
08	Xã Vĩnh Hải	100	70	70	100	70	70	70	70
09	Xã Vĩnh Hiệp	100	70	70	100	70	70	70	70
10	Xã Vĩnh Tân	100	70	70	100	70	70	70	70
III	**Thị xã Ngã Năm**								
01	Phường 1	58	70	100	00	70	70	70	70
02	Phường 2	100	70	100	00	70	70	70	70
03	Phường 3	100	70	100	00	70	70	70	70
04	Xã Long Bình	100	70	100	100	70	70	70	70
05	Xã Mỹ Bình	100	70	100	100	70	70	70	70
06	Xã Mỹ Quới	100	70	100	100	70	70	70	70
07	Xã Tân Long	100	70	100	100	70	70	70	70
08	Xã Vĩnh Quới	100	70	100	100	70	70	70	70
IV	**Huyện Châu Thành**								
01	Thị trấn Châu Thành	50	70	70	00	70	70	70	70
02	Xã An Hiệp	50	70	70	100	70	70	70	70
03	Xã An Ninh	100	70	70	100	70	70	70	70
04	Xã Hồ Đắc Kiện	100	70	70	100	70	70	70	70
05	Xã Phú Tâm	50	70	70	100	70	70	70	70
06	Xã Phú Tân	100	70	70	100	70	70	70	70
07	Xã Thiện Mỹ	100	70	70	100	70	70	70	70
08	Xã Thuận Hòa	100	70	70	100	70	70	70	70
V	**Huyện Cù Lao Dung**								
01	TT Cù Lao Dung	70	70	70	00	70	70	70	70
02	Xã An Thạnh 1	70	70	70	100	70	70	70	70
03	Xã An Thạnh 2	70	70	70	100	70	70	70	70

STT	Tên đơn vị	Thuế giá trị gia tăng (%)	Thuế sử dụng đất nông nghiệp (%)	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (%)	Thu tiền sử dụng đất (%)	Thu tiền cho thuê đất (%)	Thuế thu nhập cá nhân (%)	Lệ phí môn bài (%)	Lệ phí trước bạ nhà, đất (%)
04	Xã An Thạnh 3	70	70	70	100	70	70	70	70
05	Xã An Thạnh Đông	70	70	70	100	70	70	70	70
06	Xã An Thạnh Nam	70	70	70	100	70	70	70	70
07	Xã An Thạnh Tây	70	70	70	100	70	70	70	70
08	Xã Đại Ân 1	70	70	70	100	70	70	70	70
VI	**Huyện Kế Sách**								
01	Thị trấn Kế Sách	100	70	70	00	70	70	70	70
02	Xã An Lạc Tây	100	70	70	100	70	70	70	70
03	Xã An Lạc Thôn	100	70	70	100	70	70	70	70
04	Xã An Mỹ	100	70	70	100	70	70	70	70
05	Xã Ba Trinh	100	70	70	100	70	70	70	70
06	Xã Đại Hải	100	70	70	100	70	70	70	70
07	Xã Kế An	100	70	70	100	70	70	70	70
08	Xã Kế Thành	100	70	70	100	70	70	70	70
09	Xã Nhơn Mỹ	100	70	70	100	70	70	70	70
10	Xã Phong Nẫm	100	70	70	100	70	70	70	70
11	Xã Thới An Hội	100	70	70	100	70	70	70	70
12	Xã Trinh Phú	100	70	70	100	70	70	70	70
13	Xã Xuân Hoà	100	70	70	100	70	70	70	70
VII	**Huyện Long Phú**								
01	TTrấn Đại Ngãi	40	70	70	00	70	70	70	70
02	TTrấn Long Phú	40	70	70	00	70	70	70	70
03	Xã Châu khánh	70	70	70	100	70	70	70	70
04	Xã Hậu Thạnh	70	70	70	100	70	70	70	70

STT	Tên đơn vị	Thuế giá trị gia tăng (%)	Thuế sử dụng đất nông nghiệp (%)	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (%)	Thu tiền sử dụng đất (%)	Thu tiền cho thuê đất (%)	Thuế thu nhập cá nhân (%)	Lệ phí môn bài (%)	Lệ phí trước bạ nhà, đất (%)
05	Xã Long Đức	70	70	70	100	70	70	70	70
06	Xã Long Phú	70	70	70	100	70	70	70	70
07	Xã Phú Hữu	70	70	70	100	70	70	70	70
08	Xã Song Phụng	70	70	70	100	70	70	70	70
09	Xã Tân Hưng	70	70	70	100	70	70	70	70
10	Xã Tân thạnh	70	70	70	100	70	70	70	70
11	Xã Trường Khánh	70	70	70	100	70	70	70	70
VIII	**Huyện Mỹ Tú**								
01	TTrấn Huỳnh Hữu Nghĩa	70	70	70	00	70	70	70	70
02	Xã Hưng Phú	100	70	70	100	70	70	70	70
03	Xã Long Hưng	100	70	70	100	70	70	70	70
04	Xã Mỹ Hương	100	70	70	100	70	70	70	70
05	Xã Mỹ Phước	100	70	70	100	70	70	70	70
06	Xã Mỹ Thuận	100	70	70	100	70	70	70	70
07	Xã Mỹ Tú	100	70	70	100	70	70	70	70
08	Xã Phú Mỹ	100	70	70	100	70	70	70	70
09	Xã Thuận Hưng	100	70	70	100	70	70	70	70
IX	**Huyện Mỹ Xuyên**								
01	Thị trấn Mỹ Xuyên	70	70	100	00	70	70	70	70
02	Xã Đại Tâm	100	70	100	100	70	70	70	70
03	Xã Gia Hòa 1	100	70	100	100	70	70	70	70
04	Xã Gia Hòa 2	100	70	100	100	70	70	70	70
05	Xã Hòa Tú 1	100	70	100	100	70	70	70	70
06	Xã Hòa Tú 2	100	70	100	100	70	70	70	70
07	Xã Ngọc Đông	100	70	100	100	70	70	70	70
08	Xã Ngọc Tố	100	70	100	100	70	70	70	70
09	Xã Tham Đôn	100	70	100	100	70	70	70	70

STT	Tên đơn vị	Thuế giá trị gia tăng (%)	Thuế sử dụng đất nông nghiệp (%)	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (%)	Thu tiền sử dụng đất (%)	Thu tiền cho thuê đất (%)	Thuế thu nhập cá nhân (%)	Lệ phí môn bài (%)	Lệ phí trước bạ nhà, đất (%)
10	Xã Thạnh Phú	70	70	100	100	70	70	70	70
11	Xã Thạnh Quới	100	70	100	100	70	70	70	70
X	**Huyện Thạnh Trị**								
01	Thị trấn Hưng Lợi	100	70	100	00	70	70	70	70
02	Thị trấn Phú Lộc	70	70	100	00	70	70	70	70
03	Xã Châu Hưng	100	70	100	100	70	70	70	70
04	Xã Lâm Kiết	100	70	100	100	70	70	70	70
05	Xã Lâm Tân	100	70	100	100	70	70	70	70
06	Xã Thạnh Tân	100	70	100	100	70	70	70	70
07	Xã Thạnh Trị	100	70	100	100	70	70	70	70
08	Xã Tuân Tức	100	70	100	100	70	70	70	70
09	Xã Vĩnh Lợi	100	70	100	100	70	70	70	70
10	Xã Vĩnh Thành	100	70	100	100	70	70	70	70
XI	**Huyện Trần Đề**								
01	Thị trấn Lịch Hội Thượng	15	70	100	00	70	70	70	70
02	Thị trấn Trần Đề	20	70	100	00	70	70	70	70
03	Xã Đại Ân 2	70	70	100	100	70	70	70	70
04	Xã Lịch Hội Thượng	70	70	100	100	70	70	70	70
05	Xã Liêu Tú	70	70	100	100	70	70	70	70
06	Xã Tài Văn	70	70	100	100	70	70	70	70
07	Xã Thạnh Thới An	100	70	100	100	70	70	70	70
08	Xã Thạnh Thới Thuận	100	70	100	100	70	70	70	70
09	Xã Trung Bình	70	70	100	100	70	70	70	70
10	Xã Viên An	100	70	100	100	70	70	70	70

STT	Tên đơn vị	Thuế giá trị gia tăng (%)	Thuế sử dụng đất nông nghiệp (%)	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (%)	Thu tiền sử dụng đất (%)	Thu tiền cho thuê đất (%)	Thuế thu nhập cá nhân (%)	Lệ phí môn bài (%)	Lệ phí trước bạ nhà, đất (%)
11	Xã Viên Bình	100	70	100	100	70	70	70	70

Ghi chú: Các khoản thu mà tỷ lệ (%) điều tiết cho ngân sách xã, phường, thị trấn được hưởng chưa đến 100%, chênh lệch còn lại sẽ điều tiết cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố. Trường hợp các huyện, thị xã, thành phố trực tiếp thu (do Chi cục Thuế thu) thì ngân sách huyện, thị xã, thành phố được phân chia 100%.

Điều 7. Mức bổ sung cân đối thu, chi ngân sách cấp trên đối với ngân sách cấp dưới

Mức bổ sung cân đối chi ngân sách các cấp theo phân cấp hàng năm, được thực hiện theo công thức tính sau đây:

1. Mức bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh đối với ngân sách huyện, thị xã, thành phố (bao gồm ngân sách cấp huyện và cấp xã):

Mức bổ sung = Tổng dự toán chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố trong cân đối theo phân cấp ngân sách hiện hành - (Tổng số các khoản thu ngân sách huyện, thị xã, thành phố được hưởng 100% theo phân cấp ngân sách hiện hành + Tổng các khoản thu phân chia giữa ngân sách tỉnh với ngân sách huyện, thị xã, thành phố theo phân cấp ngân sách hiện hành)

2. Mức bổ sung cân đối từ ngân sách huyện, thị xã, thành phố đối với ngân sách xã, phường, thị trấn:

Mức bổ sung = Tổng dự toán chi ngân sách xã, phường, thị trấn trong cân đối theo phân cấp ngân sách hiện hành - (Tổng số các khoản thu ngân sách xã, phường, thị trấn được hưởng 100% theo phân cấp ngân sách hiện hành + Tổng các khoản thu phân chia giữa ngân sách huyện, thị xã, thành phố với ngân sách xã, phường, thị trấn theo phân cấp ngân sách hiện hành)

3. Trường hợp ngân sách xã, thị trấn thừa cân đối:

Đối với ngân sách xã, thị trấn, nếu nguồn thu 100% và nguồn thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) lớn hơn nhiệm vụ chi thường xuyên được giao theo phân cấp ngân sách, thì ngân sách huyện, thị xã, thành phố không phải trợ cấp cân đối và

khoản lớn hơn đó sẽ được **đảm bảo chi đầu tư các công trình trụ sở, trạm y tế, nhà** trẻ, mẫu giáo và các cơ sở **hạ tầng khác do xã, thị trấn quản lý, theo phân cấp hiện** hành của tỉnh về chi đầu tư **phát triển và theo quy định của Bộ Tài chính./.**

CHỦ TỊCH

Lâm Văn Mẫn